

Bản án số: 914/2017/DSPT
Ngày 27-9-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Tú Oanh
Bà Trần Thị Kim Quy

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 09 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 318/2017/DSPT ngày 01 tháng 08 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 297/2017/DS-ST ngày 23 tháng 06 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận X bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2046/2017/QĐ-PT ngày 06 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Số 006 Lô I, cư xá TĐ, Phường E, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Âu Nguyệt V, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Số 403 Tầng 5-9 Đường N, phường CT, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đại diện tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 25/12/2016. (Bà V có đơn ngày 06/09/2017 yêu cầu xét xử vắng mặt bà).

- Bị đơn: Ông Trần Tiến B, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Số 496/63/6 đường H, Phường S, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. (*Ông Bình vắng mặt*)

- Người kháng nghị: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/5/2016, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ngày 14/10/2015, bà Nguyễn Thị H cho ông Trần Tiến B vay số tiền 2.800.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng, thời hạn vay là 15 ngày, bà H đã giao đủ số tiền cho ông B theo biên bản ngày 14 tháng 10 năm 2015.

Để xác nhận sự việc nêu trên, ngày 16/10/2015, bà H và ông B đã lập hợp đồng vay tiền công chứng số 027589, quyển số 10 tại Văn phòng Công chứng Hoàng Xuân với nội dung thỏa thuận: Số tiền vay là 2.800.000.000 đồng, lãi suất vay 1%/tháng, thời hạn trả nợ vào ngày 29/10/2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông B đã trả cho bà H tổng số tiền nợ gốc là 1.248.450.000 đồng, chưa trả lãi, cụ thể các lần trả nợ như sau:

- Ngày 20/11/2015 trả 800.000.000 đồng,
- Ngày 27/11/2015 trả 100.000.000 đồng,
- Ngày 04/12/2015 trả 150.000.000 đồng,
- Ngày 29/12/2015 trả 100.000.000 đồng,
- Ngày 12/01/2016 trả 98.450.000 đồng.

Do ông B vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà khởi kiện yêu cầu ông B trả số tiền nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 14/6/2016 là 1.678.400.509 đồng, yêu cầu trả thêm 100.000.000 đồng phạt do vi phạm thời hạn thanh toán và yêu cầu tiếp tục trả lãi cho đến khi xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Âu Nguyệt V trình bày rút yêu cầu phạt vi phạm với số tiền 100.000.000đ.

Tại biên bản hòa giải ngày 13/12/2016, bị đơn ông Trần Tiến B trình bày: Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H, chỉ đồng ý trả 1.579.550.000 đồng và yêu cầu tính lại tiền gốc ông đã trả.

Tòa án nhân dân quận X đã đưa vụ án ra xét xử và quyết định tại Bản án sơ thẩm số: 297/2017/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2017 như sau:

“1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H buộc ông Trần Tiến B phải trả số tiền nợ gốc và lãi là 2.125.350.238 (Hai tỷ một trăm hai mươi lăm triệu ba trăm năm mươi ngàn hai trăm ba mươi tám) đồng theo hợp đồng vay tài sản ngày 16/10/2015 ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật;

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng với số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng của bà Nguyễn Thị H đối với ông Trần Tiến B”

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/07/2017, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án sơ thẩm, yêu cầu xét xử phúc thẩm lại theo hướng sửa án sơ thẩm về phần lãi suất và án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bên đương sự vắng mặt nên không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên kháng nghị với lý do sau:

Căn cứ khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay, bị đơn chỉ phải trả lãi trên nợ gốc trong hạn theo hợp đồng từ ngày 14/10/2015 đến ngày 29/10/2015 là: $[2.800.000.000 \text{ đồng} \times (15 \text{ ngày}) \times 1\%/\text{tháng}] = 14.000.000 \text{ đồng}$ và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố là 9%/năm (0,75%/tháng) từ ngày 30/10/2015 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Án sơ thẩm buộc bị đơn phải trả lãi trên nợ gốc là 1%/tháng + 0,75%/tháng lãi nợ quá hạn từ ngày 30/10/2015 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm là không đúng theo quy định tại Khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét và quyết định sửa án sơ thẩm về tiền lãi và án phí mà bị đơn phải chịu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về hình thức: Kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn quy định nên được chấp nhận.

Về nội dung kháng nghị yêu cầu xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm do sai sót về tính tiền lãi không phù hợp quy định tại khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và án phí, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Đối với số tiền vay giữa ông Trần Tiến Bi và bà Nguyễn Thị H, các bên đã thống nhất, về số tiền gốc đã trả và tiền vay gốc còn lại các bên không có kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên không cần giải quyết.

Về tính lại lãi suất tiền vay, xét thấy:

Theo biên bản ngày 14 tháng 10 năm 2015, ông Bi nhận đủ tiền vào ngày 14/10/2015. Theo hợp đồng công chứng số 027589 ngày 16/10/2015, thời hạn trả tiền gốc và lãi là ngày 29/10/2015. Vậy thời hạn vay theo lãi suất trong hạn là 15 ngày.

Căn cứ Khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với khoản vay tương ứng. Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước, mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm, vậy lãi suất trong hạn các bên thỏa thuận 1%/tháng không vượt quá 13,5%/năm nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có cơ sở.

Bản án sơ thẩm buộc ông B trả tiền lãi trong hạn từ ngày 14/10/2015 đến ngày 29/10/2015: $2.800.000.000đ \times 15 \text{ ngày} \times 1\%/30 \text{ ngày} = 14.000.000đ$ là đúng quy định pháp luật.

Về khoản tiền lãi quá hạn được tính từ ngày 30/10/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/06/2017, xét thấy:

Bản án sơ thẩm buộc bị đơn trả lãi nợ quá hạn theo lãi suất thỏa thuận 1%/tháng và lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố là 0,75%/tháng ($1\%/tháng + 0,75\%/tháng = 1,75\%/tháng$) trên nợ gốc từ ngày 30/10/2015 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm là không phù hợp. Căn cứ Khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005: “Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ”, theo quy định tại Khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 thì “Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”. Giữa bà H và ông B không có thỏa thuận về lãi suất nợ vay quá hạn. Vậy, hết ngày 29/10/2015 ông B chưa trả tiền theo thỏa thuận thì ông B phải chịu tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tại thời điểm thanh toán – được tính tại thời điểm xét xử là 9%/năm, được tính như sau:

Ngày	Số tiền nợ	Số tiền trả	Lãi trong hạn 1%/tháng	Lãi quá hạn 0,75%/tháng
14/10/2015	2,800,000,000			
29/10/2015	2,800,000,000		14,000,000	
20/11/2015	2,800,000,000	800,000,000		14,700,000
27/11/2015	2,000,000,000	100,000,000		3,500,000
4/12/2015	1,900,000,000	150,000,000		3,325,000
29/12/2015	1,750,000,000	100,000,000		10,937,500
12/1/2016	1,650,000,000	98,450,000		5,775,000
23/06/2017	1,551,550,000			201,701,500
Tổng cộng	1,551,550,000		14,000,000	239,939,000
	1,805,489,000			

Do số tiền ông B phải trả cho bà H được điều chỉnh nên án phí sơ thẩm cũng được sửa lại tương ứng theo quy định của Khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, cụ thể: Ông B phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và Danh mục án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh là 66,164,670 đồng.

Kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở theo quy định pháp luật nên được chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm với cách tính lãi và tiền án phí như trên.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật.

Do bản án sơ thẩm được sửa một phần theo kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nên không áp dụng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 148, Điều 278, Khoản 1 Điều 280, Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 305, Khoản 5 Điều 474, Khoản 5 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và Danh mục án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo;

1. Chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa một phần bản án sơ thẩm số 297/2017/DS-ST ngày 23 tháng 06 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận X như sau:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H buộc ông Trần Tiến B phải trả số tiền nợ gốc là 1.551.550.000đ (Một tỷ năm trăm năm mươi một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền lãi là 253,939,000 (Hai trăm năm mươi ba triệu chín trăm ba mươi chín nghìn đồng), tổng cộng là 1,805,489,000 đồng (Một tỷ tám trăm lẻ năm triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng) để chấm dứt nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng vay tài sản ngày 16/10/2015 ngày khi bản án có hiệu lực pháp luật;

1.2. Đình chỉ xét xử yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng với số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) của bà Nguyễn Thị H đối với ông Trần Tiến B.

1.3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 66,164,670 đồng (Sáu mươi sáu triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn sáu trăm bảy mươi đồng).

Bà H không phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 32.676.008đ (Ba mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi sáu

ngàn không trăm lẻ tám đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0016970 ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án Dân sự năm 2008 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008.

2. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP HCM;
- Tòa án nhân dân quận X;
- Chi cục THADS quận X;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hiền

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 27 tháng 9 năm 2017.

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Tú Oanh
 Bà Trần Thị Kim Quy

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 318/2017/DSPT ngày 01 tháng 08 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: số 006 Lô I, cư xá TĐ, Phường E, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Âu Nguyệt V, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Số 403 Tầng 5-9 Đường N, phường CT, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đại diện tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 25/12/2016. ((Bà V có đơn ngày 06/09/2017 yêu cầu xét xử vắng mặt bà).

- *Bị đơn*: Ông Trần Tiến B, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: số 496/63/6 đường H, Phường S, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. (*Ông Bình vắng mặt*)

- *Người kháng nghị*: Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, và các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3, quyết định:

Căn cứ:

- *Khoản 2 Điều 148, Điều 278, Khoản 1 Điều 280, Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;*

- *Khoản 2 Điều 305, Khoản 5 Điều 474, Khoản 5 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;*

- *Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và Danh mục án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo;*

1. Chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân quận X, sửa một phần bản án sơ thẩm số 297/2017/DS-ST ngày 23 tháng 06 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận X như sau:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H buộc ông Trần Tiến B phải trả số tiền nợ gốc là 1.551.550.000đ (Một tỷ năm trăm năm mươi một triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) và tiền lãi là 114.687.388đ (Một trăm mười bốn triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn ba trăm tám mươi tám đồng), tổng cộng là 1.666.237.388đ (Một tỷ sáu trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm ba mươi bảy ngàn ba trăm tám mươi tám đồng) để chấm dứt nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng vay tài sản ngày 16/10/2015 ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật;

1.2. Đình chỉ xét xử yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng với số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) của bà Nguyễn Thị H đối với ông Trần Tiến B.

1.3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 61.987.122đ (Sáu mươi một triệu chín trăm tám mươi bảy ngàn một trăm hai mươi hai đồng).

Bà H không phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 32.676.008đ (Ba mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi sáu ngàn không trăm lẻ tám đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0016970 ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án Dân sự năm 2008 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008.

2. Bản án phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây:

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

